

Phần 1

NHA TRANG NGÀY VỀ

Phạm Trung Du
Tiểu Đoàn 51 BĐQ

Tôi muốn nhắc đến Nha Trang của em và ngày về của tôi. Vâng, tôi muốn gửi đến em, đến Nhi, Hoàng Thị Nhi của ngày nào - đã xa...

Nhắc đến Nha Trang là nhớ tới Hoàng Thị Nhi và tiếng sóng rì rào, triền miên đêm ngày vỗ về bờ cát mênh mông bất tận, như những cánh thư em gửi cho tôi - vừa đầy ắp chiều sâu lẫn chiều dài. Những cánh thư - mà có những lá em viết trong cả cuốn vở học trò 32 trang - trong đó là những tâm tình của em gửi đến tôi - một người lính mũ nâu - được trải dài theo từng mảnh đời, có nhiều cảm xúc về xã hội, văn hóa, thi ca. Tới bây giờ tôi vẫn thấy đầy ngọt ngào - lưu luyến.

Rồi một hôm, tôi trở về Nha Trang, trở về từ Gia Trung



cõi chết. Sau hơn sáu năm trong luân lạc, đọa đầy nơi các vùng “đất hứa”. Cứ mỗi lần, khi sắp di chuyển tôi và các bạn tù đến một “vùng đất” nào đó, bọn vc đều “hứa”: Đến nơi chôn mới, học tập tốt... rồi về. và tại Gia Trung tôi đã... “tốt” và về.



BĐQ Phạm Trung Du

Trên chuyến tàu xuôi Nam, tàu tạm dừng tại ga Nha Trang tám tiếng đồng hồ, chúng tôi phải lấp đầy khoảng thời gian chờ đợi, nhưng với riêng tôi - là Nha Trang ngày về. Sau khi hẹn nhau giờ giấc gặp lại, tôi như mán về thành, tìm thật lâu căn nhà Hoàng Thị... cuối cùng rồi cũng tìm ra.

Lúc bấy giờ, khoảng hơn bốn giờ chiều, nhà chỉ còn một cụ già, là thân phụ của em. Sau phần thăm hỏi, cụ cho biết em dạy học chưa về và nói tôi ở lại chờ. Thật ra lúc đó, tôi cũng chẳng biết đi đâu và cũng không dám nói là mình vừa ở tù ra. Nhưng ông cụ có tin lời nói của tôi là từ Sài Gòn ra Nha Trang lo vài công việc rồi nhân tiện ghé thăm??? Sở dĩ tôi nhắc tới chuyện ông cụ tin hay không - vì sau đó - qua nhân đáng điều tặn, chính em cũng không còn nhận ra tôi.

Giờ phút viết những dòng chữ này, tôi còn nhớ như là rất mới. Khi nghe tiếng xe cọc cạch em dắt vào sân nhà sau bằng cửa hông, rồi tiếng ông cụ báo là em có khách - tôi nhìn xuống nhà dưới - và em đang nhìn tôi rồi quay lại hỏi ông cụ:

- Khách của bố hay là khách của con?!

Ông cụ trả lời:

- Khách của bố thì sao bố lại bảo là khách của con.

Em từ từ bước lên nhà trên để nhìn tôi kỹ hơn, và vẫn

không nhận ra... Em hỏi:

- Xin lỗi, ông là ai, mà nhận là bạn của tôi?

- Ngày xưa Hoàng Thị. Tôi chậm rãi.

Vừa nghe dứt câu là em hét lên mừng rỡ:

- Anh Du. Rồi ghen ngào. Anh làm sao đến nông nổi này???

Tôi xúc động tràn đầy - lặng tiếng. Em quay sang ông cụ:

- Bố ơi! Bố nấu cơm dùm con nhé, con và anh Du lâu ngày không gặp.

Chúng tôi hàn huyên thăm hỏi và kể lại cho nhau nghe những đoạn đời mà trong đó có em và tôi.

Trong bữa cơm chỉ có ba người, mà đậm ấm. Tôi xin lỗi ông cụ vì đã dối gian.. Ông cụ cười thông cảm:

- Anh cẩn thận cũng nên. Thời thế này ai biết tin ai.

Rồi em và tôi - tay trong tay - qua những con đường, góc phố, bờ cát với sóng biển rì rào dưới ánh trăng non, chuyện không dứt cho tới 10 giờ đêm là giờ hẹn phải lên tàu xuôi Nam. Tôi đưa em về nhà, hẹn một dịp nào... Rồi thư đi thư lại - rồi bất tin vì những lần vượt biên - tù tội - cho đến bây giờ. Hoàng Thị Nhi, bây giờ em ra sao? Ở nơi nào với niềm vui hay thống khổ? Dù thế nào, tôi vẫn mãi nhớ em... Hoàng Thị... ngày xưa... Còn phần tôi, ngày lại ngày - cho qua một kiếp đời.

08/02/1994.

Phần 2

NHA TRANG NGÀY VỀ

*Phạm Trung Du
Tiểu Đoàn 51 BĐQ*

Đã quá nửa đêm mà sân ga hầu như tăng nhịp sống, có lẽ do tàu sắp khởi hành. Nhìn quanh, những nhóm người cũng vừa được thả ra khỏi tù, tùm nậm tùm ba, nằm ngòai rải rác dọc theo sân ga rù rì kháo chuyện chờ tàu đến. Nhóm chúng tôi bốn đứa cũng nôn nao không kém, nhìn cái đời sống về đêm - mà mới đêm qua thôi, với đêm nay là điều không tưởng. Ấy là mới có một chút sinh khí dưới ánh đèn le lói cũng đủ để lan man nghĩ ngợi về hai chữ tự do. Bỗng thằng Lương lên tiếng:

- Ê, tụi mày lục coi còn cái quần cái áo nào coi được thì lấy ra đi. Tao rao bán kiếm thêm chút tiền xe dành-cho-thằng-nào-ở-xa-nhất...

Cái thằng, lúc nào cũng chu đáo với anh em...

Rồi nó gom mấy bộ quần áo với vài món lặt vặt đứng rao bán tỉnh bơ:

- Bà con ơi, tui tui mới được tha, cần thêm tiền xe đìa xứ... Bà con nào cần thì mua dùm nha...

Thật ra, nó không cần... khoe như vậy, cái bộ dạng của nó

không đủ nói lên tất cả hay sao? Ấy vậy mà sau khi nó rao, cũng có nhiều người đến vây quanh, người hỏi cái áo, người hỏi cái quần. Lúc nói tới tiền thì nó áp a áp ứng... hông biết nhiều nữa... Ai ưng đưa nhiều thì lấy nhiều thôi hà. Vậy mà cũng có thêm được dăm chục.

Nói nào ngay, tiền bà con cho nhiều hơn tiền bán, lại còn nhận cả bánh trái, thuốc hút. Chúng tôi, nhìn đám đông vây quanh mà nước mắt doanh trùng. Ôi tình người, tưởng cái chế độ mới đã làm cho cạn kiệt!!!

Hôm nay, viết những dòng này mà trong tôi đang trào dâng cảm giác ngày nào - đã rất xa.

Về tới Sài Gòn, bắt đầu cuộc sống mới, mới vô cùng mới. Nhà đã bị chiếm, muốn tạm trú ở nhà người chị thì bị đuổi về địa chỉ của giấy ra trại, thế là lông bông vất vưởng. Tuần lễ sau, ghé nhà chị vào một buổi trưa, đưa cháu đưa cho một bao thư không dán tem, nó nói của một cô gái đạp xe đến tìm, dặn phải đưa tận tay. Địa chỉ ngoài bì thư cũng gần, thuộc cư xá Sĩ Quan Công Binh cũ. Mở bao thư... nét chữ Hoàng Thị Nhi??? Thì ra, Nhi muốn tôi gặp những người đang muốn lênh đênh.

Tôi tìm đến địa chỉ, gõ cửa, một người đàn bà hiện ra với cái nhìn dò xét, rồi lên tiếng sau khi nghe tôi hỏi thăm:

- Vòng ra cửa sau mà tìm.

Hoàng, tên thiếu nữ, khoảng trên dưới hai mươi, dáng khỏe đẹp. Bà mẹ, sống trong góc bếp, phần sau của căn nhà hai tầng, được chia cách bằng tấm tôn đóng chặn cửa lên nhà trên. Sau khi chào hỏi và nói chuyện làm quen, mẹ của Hoàng như đọc được ý nghĩ của tôi về hoàn cảnh hiện tại của hai mẹ con, bà nói với giọng đều đều như tụng kinh:

- Nước mất thì nhà phải tan thôi, chưa biết mình còn trụ ở xó bếp này bao lâu nữa. Nghe đâu sắp có thêm một gia đình

dọn vào.

Bố của Hoàng, còn tù ngoài Việt Bắc. Sau vài lần gặp gỡ mẹ con của Hoàng, tôi bị bắt trong chuyến sớm nhất mà chị tôi đã tính sẵn... Rồi lần lừa đi ở, ở đi, tôi không gặp lại mẹ con của Hoàng nữa. Chỉ mong, đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người.

Rồi tôi cũng vượt thoát được đến Bidong- là chuyến thứ mười ba.

Khoảng ba năm trước, tôi bắt đầu dùng facebook, thì vài tháng sau đó, có một người đàn ông nhắn tin hỏi tôi:

- Anh có phải là Phạm Trung Du, trước ở Tiểu Đoàn 51 BĐQ, có quen một cô gái ở Nha Trang, tên là Nhi, làm việc tại...?

Tôi nhận là đúng và hỏi lại:

- Nguyên do nào để anh hỏi tôi như vậy?

Anh trả lời:

- Vì Nhi thường nhắc tới người bạn lính, có tên giống như tên anh ở TĐ 51 BĐQ.

Sau vài lần tin qua tin lại, tôi hỏi anh:

- Như những điều anh cho biết, anh phải là người rất gần gũi với Nhi. Có thể nào tôi liên lạc trực tiếp với Nhi?

Câu trả lời qua facebook:

- Nhi là vợ của em... đã mất cách nay tám năm rồi. Cô ấy có cho em một cháu trai, cũng đã trưởng thành...

Quả thật, tôi không mong đợi nỗi mất mát này. Thật bất ngờ và đầy cảm xúc, Nhi ơi!!!

Ngày xưa, những lá thư tôi nhận, từ em, thật dài, có lần



là cả cuốn vở học trò hay những trang lớn của sổ điểm danh học sinh ngày trước – viết như bút ký từng ngày.

Đọc đi đọc lại hoài không chán... như bạn đường ngày tháng hành quân.

Có lần Nhi kết thúc:

- Thôi, Nhi dừng bút, nghỉ một lát để chờ sáng.

Và cũng có lần, tôi copy nguyên con câu kết của Nhi trong lá thư gửi đến người không phải là Nhi.

- Thôi, Anh dừng bút, nghỉ một lát để chờ sáng.

Có điều, buổi sáng mà tôi chờ... có thể là bất cứ thời khắc nào của 24 tiếng trong ngày!!!

03/26/2019.

** Nén hương lòng dành cho bạn cũ một thời 51.*



CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ

*Đoàn Trọng Hiếu
Tiểu Đoàn 52 BĐQ*

*(Người lính Việt Nam Cộng Hòa sống mãi trong lòng
người dân Việt Nam..)*

Câu chuyện xảy ra đến nay đã 12 năm. Sở dĩ trước đây tôi không bao giờ nói đến vì nó có phần liên quan đến tôi, đến cái tôi đáng ghét. Nhưng hôm nay, tôi cần phải nói ra để tri ân những người-không quản ngại khó khăn, nguy hiểm- đã có tấm lòng nhân hậu bác ái đối với Tử Sĩ Việt Nam Cộng Hoà.



Có thể nhiều người trong chúng ta còn nhớ rằng vào cuối năm 2010, lúc đó xuất hiện trên diễn đàn điện tử qua hệ thống email, một lá thư của Linh Mục Mai Thanh Lợi (ngài là anh của Giám Mục Mai Thanh Lương). Trước kia ngài là linh mục Chánh Xứ Giáo Xứ Thanh An, Kon-Tum và nay đã nghỉ hưu. Trong lá thư ngài cho biết vào đầu tháng 4/1975, sau khi chạy giặc trở về thì thấy xác một trung úy Biệt Động Quân, tên Quý nằm ở bên hông nhà thờ đã bị thú rừng ăn mất một phần thân thể. Ngài đã cho chôn bên ngang hông nhà thờ và trồng một cây đào bên cạnh để đánh dấu.

Nay vị linh mục chánh xứ muốn chỉnh trang lại nhà thờ và làm đường đi kiệu chung quanh. Như vậy, hài cốt của Trung Úy Quý vui chôn ở đó, sẽ phải được bốc lên di dời vào trong khu nghĩa địa. Nhân cơ hội này, ngài muốn kêu gọi thân nhân hay những đồng đội quen biết, hãy lên nhận cốt và di dời về an táng tại quê nhà.



BDQ Đoàn Trọng Hiếu

là đồng đội, thôi thì “nghĩa tử là nghĩa tận”, nên tôi kêu gọi vài anh em cùng trong Liên Đoàn 3 BDQ thử làm xem sao.

Sau khi bàn thảo với anh Phạm Quốc Trung và được anh cho biết sẵn sàng ủng hộ tôi, với lời khuyến khích “tới đi Minh Hiếu”. Tuy nhiên vì anh đang quá bận lo cho cụ thân sinh đang lâm trọng bệnh nên không trực tiếp làm được. Trong lá thư của Linh Mục Mai Thanh Lợi gửi ra, không thấy để lại số điện thoại. Tôi email cho ngài đã mấy hôm mà chưa nhận được trả lời.

Chợt nhớ tới cấp chỉ huy cũ là Trung Tá Lê Quý Dậu, là người Công Giáo nên thường hay quen biết với các linh mục trong vùng. Tôi bèn gọi và hỏi ông là ngày ông đóng ở Kon-Tum có biết Linh Mục Mai Thanh Lợi thuộc giáo xứ Thanh An không? Ông nói ông là bạn thân của cha và vẫn liên lạc thường xuyên. Tuy nhiên ông cho biết ông đang nằm trong bệnh viện, để ông kêu đưa con gái mua cho cái thẻ gọi điện

thoại khi cô ấy vào thăm.

Mừng quá tôi vội nhờ ông gọi cho Cha Mai Thanh Lợi và nói với ngài là có tôi sẽ gọi về gặp cha để nói về vụ Trung Úy Quý, và cho tôi số điện thoại của cha. Chiều ngày hôm sau, ông thều thào nói với tôi là đã gọi rồi. Chính lúc này cũng là lúc ông cũng đang chuẩn bị về với Chúa.

Sau đó tôi liền gọi cho cha Mai Thanh Lợi. Cha cho biết ngài vừa được xuất viện về và được người nhà cho biết, cũng có một chị ở Sài Gòn lên muốn gặp cha về vụ ông Quý. Chị có đề số điện thoại lại. Cha liền cho tôi số điện thoại của chị và nhắc hãy gọi liền, để hai người kết hợp làm cho xong việc này. Mừng quá! Có thể đây là thân nhân của anh Quý chăng?

Tôi liền gọi và được biết chị tên Ngọc Bích. Chị được người chị tên Kim Yến ở bên Mỹ cho biết bà được tin này trên email, nên yêu cầu chị hãy lên gặp cha xin làm công việc cải táng này. Mọi phí tổn bà Kim Yến sẽ tài trợ. Chị Ngọc Bích cho biết sẽ gọi điện thoại cho cha khi cha xuất viện về để nhờ cha giúp tìm người giúp việc cải táng, và sẽ quyết định để tro cốt của anh Quý ở đâu.

Tôi cho chị biết tôi vừa gọi cho cha và biết cha mới ở bệnh viện về; khi nào có kết quả chị hãy gọi cho tôi. Đồng thời, tôi ngỏ ý muốn chia sẻ một phần phí tổn nhưng chị không đồng ý vì bà Kim Yến đã lo xong vấn đề này. Chị chỉ yêu cầu tôi hãy giúp cho Linh Mục Mai Thanh Lợi vì ngài đang bệnh ung thư phổi rất nặng. Tôi đồng ý nhận lời và hy vọng mọi việc sẽ diễn tiến rất tốt đẹp.

Vài ngày sau, chị gọi cho tôi và cho biết cha đã tìm được cho người giúp, và vì hiện giáo xứ Thanh An chưa có nhà để tro cốt, nên cha giới thiệu mang đến để ở Giáo xứ Tân Hương. Chị định thứ Hai tới sẽ lên xúc tiến công việc. Tôi dặn khi nào lên đến chị hãy gọi điện thoại cho tôi biết.

Đúng như dự trù, mọi việc bốc hài cốt tiến hành rất thuận lợi. Nơi chôn thi hài Trung Úy Quý đã hình thành một ổ đất xốp như tổ ong, tất cả được bỏ vào một hũ đựng tro cốt.

Buổi chiều, đích thân chị Ngọc Bích đã ôm hũ cốt Trung Úy Nguyễn Văn Quý đến gởi ở Nhà Vĩnh Hằng Giáo Xứ Tân Hương, Kontum

Khi vừa xong việc này thì tôi không còn dịp để báo cho Trung Tá Dậu biết vì ông cũng vừa qua đời. Vài tháng sau, cha Lợi cũng về với Chúa.



Xác của anh Quỳ được chôn dưới gốc cây đào đang được chuẩn bị cải táng.

Nhân đây, xin được cảm ơn cha Lợi đã vì lòng nhân mà ngài đã chôn cất Trung Úy Quý, không sợ bị khó khăn liên lụy ngay trong những ngày đầu tháng 4/1975. Cảm ơn ông thầy, Trung Tá Lê Quý Dậu, mặc dù đang nằm trên giường bệnh, nhưng cũng đã dùng chút sức lực cuối cùng để giúp tôi liên lạc được với cha Lợi. Nếu

không có ông thì làm sao tôi có cơ hội tiếp xúc với cha Lợi!?

Cũng xin cảm ơn tấm lòng nhân hậu vô biên của chị Kim Yến và chị Ngọc Bích. Tuy chính thể Việt Nam Cộng Hoà không còn trên mảnh đất Miền Nam, nhưng hình ảnh người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà vẫn ghi sâu trong tâm tưởng; cho nên hai chị đã không quản ngại khó khăn, để người anh em chiến hữu của chúng tôi có một nơi an nghỉ sau cùng. Về phần cha Lợi thì vài tháng sau ngài cũng trở về với Chúa. Xin được một lời cảm ơn người mục tử tốt lành.

Thư của chị Ngọc Bích

Anh Hiếu kính!

Thưa anh, sáng nay nhận được phone của anh, em thật

ngạc nhiên, bên cạnh đó em cũng vui và cảm động vì biết anh là bạn của anh Quý, cùng quan tâm đến việc cải táng và nơi để hài cốt của anh Quý. Như vậy, chị của em an tâm rồi.

Em chỉ là người đi làm công việc này. Xuất phát chính là chị kết nghĩa của em, người có tấm lòng và cái Tâm trong việc cải táng này. Chị của em đang ở Mỹ. Anh có thể, anh có thể email qua địa chỉ ...42@hotmail.com. Em chưa xin phép chị em nên không thể cho anh số phone được. Mong anh thông cảm. Lúc sáng em có hứa sẽ gửi cho anh số phone, nhưng nghĩ lại em đành xin lỗi anh.

Anh có thể liên lạc với chị qua email. Em gửi kèm đến anh những tấm hình trong việc cải táng anh Nguyễn Văn Quý để anh xem. Mong anh và các bạn của anh sẽ cầu nguyện cho anh Quý được an nghỉ về bên Chúa. Người có tình thương người, có tấm lòng nhân từ là cha Lợi, nhà thờ Thanh An.

Hôm em lên cải táng thì cha vừa đi khám bệnh ở Pleiku về. Cha mệt nên em không làm phiền chụp ảnh cha. Sau đó ít lâu cha về Sài Gòn. Em có đến thăm cha theo lời dặn của chị em. Tại đây em thấy cha hồng hào hơn, nên em vui lắm. Nếu các anh có điều kiện giúp cha để chữa bệnh thuốc thang, điều đó thật ý nghĩa với cái tình của cha. Hiện nay, hài cốt của anh Quý được để tại Nhà Vĩnh Hằng Giáo Xứ Tân Hương, Kontum.

Em kèm theo hình để anh xem. Việc này tế nhị. Chị em và em làm vì lòng trắc ẩn khi nghĩ đến trường hợp của anh Quý. Mong anh đừng nêu tên gì hết nhé! Chỉ biết là “*người vô danh nào đó đã làm xong*”. Vui là anh Quý đã được để ở một nơi an nghỉ tốt đẹp.

Em xin kính chúc anh và gia quyến vui vẻ, hạnh phúc. Em cũng xin gửi lời chúc sức khỏe của em và chị em đến toàn thể các anh chị BDQ.

Kính thư,
Ngọc Bích

*Bức Màn Sắt, Bức Màn Tre, **

*Nguyễn Chánh Dật
Tiểu Đoàn 51 BĐQ*

Trong cuộc chiến ý thức hệ, đặc biệt trong thời kỳ Chiến Tranh Lạnh kéo dài hơn 50 năm giữa Cộng Sản và Thế Giới Tự Do, có bốn bức màn ngăn cách.

1) Cactus Curtain

Căn cứ Hải Quân Guantanamo Bay, hay còn gọi dưới tên GTMO, tọa lạc trên một diện tích 54 dặm vuông vừa trên đất liền, vừa dưới biển nằm trong vịnh Guantanamo, Cuba. Vịnh này được Hoa Kỳ làm hợp đồng thuê mướn để thiết lập căn cứ tiếp tế than đá làm nhiên liệu (Cleaning Station) vào năm 1903 với giá \$2,000 một năm. Đến năm 1934 tăng lên \$4,085,00 cho đến nay. Đây là căn cứ Hải Quân của Hoa Kỳ ở hải ngoại.

Sau khi Cuba thành công trong cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài của Fulgencio Batista, Fidel Castro lên làm Chủ Tịch vào ngày 1/1/1959. Chính phủ của ông ta cương quyết phản đối sự hiện diện của Hoa Kỳ trên lãnh thổ của mình và

theo Công Pháp Quốc Tế, họ cho là không hợp pháp với cáo buộc Hoa Kỳ đã dùng sức mạnh để cưỡng chiếm.

Tại phiên họp nhân quyền LHQ năm 2013, Ngoại Trưởng Cuba đã kêu gọi Hoa Kỳ trả lại lãnh thổ bị chiếm đoạt trong bối cảnh chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Tây Ban Nha vào năm 1891. Từ năm 2002, căn cứ Hải Quân này là một nhà tù quân sự, giam giữ những tù binh khủng bố bắt được ở Afghanistan, Iraq, và nhiều nơi khác trong cuộc chiến chống khủng bố của Hoa Kỳ.

Nguyên thủy khu vực Guantanamo Bay là nơi sinh sống của thổ dân bản xứ người Arawak. Ngày 30/4/1494 Christopher Columbus, trong chuyến hải hành đến Châu Mỹ đã qua đêm tại đây. Địa điểm ông đổ bộ ngày nay được biết đến dưới tên Fisherman's Point và ông đặt tên là Vịnh Puerto Grande.

Trong cuộc chiến giữa Hoa Kỳ và Tây Ban Nha; dưới sự yểm trợ của hải pháo, Hoa Kỳ khi tấn công Santiago, đã đổ bộ lên Guantanamo Bay, đồng thời phối hợp với Cuba buộc lực lượng phòng thủ của Spain (Tây Ban Nha) phải rút đi. Trong hiệp ước Paris 1898, Spain đã giao toàn bộ Cuba cho Hoa Kỳ.

Năm 1903, Cuba đã ký một hợp đồng, bằng lòng để Hoa Kỳ xử dụng phần đất trên Guantanamo Bay như một căn cứ Hải Quân. Giá cả thuê mướn được ký kết giữa Tổng Thống thứ 26 Theodore Roosevelt của Hoa Kỳ và Tổng Thống Cuba Jose M Garcia Montes. Tiền mướn được trả hàng năm, nhưng Cuba dưới thời Fidel Castro, chỉ đổi sang tiền mặt một check mà thôi. Ông viện dẫn lý do buổi giao thời của hai chế độ. Số checks còn lại (The remaining uncashed checks) được lưu giữ trong văn phòng của chính phủ Cuba, từ ngày ấy đến bây giờ.

Khi cầm quyền từ ngày 1/1/1959, Castro đã thi hành một chính sách độc tài khát máu. Nhiều người dân Cuba và những nhân vật của chế độ Batista, đã chạy qua Guantanamo Bay của Hoa Kỳ để xin tỵ nạn. Cactus Curtain ám chỉ một vùng ranh giới ngăn cách lãnh thổ Cuba với căn cứ Guantanamo của Hoa Kỳ không cho dân đào thoát tìm tự do.

Chính quyền Cuba đã cho trồng một bãi cây xương rồng rộng 8 miles, dài 17 miles và nhiều mìn bẫy để làm chướng ngại vật. Phía Hoa Kỳ cũng thành lập một bãi mìn tại khu vực gọi là “No Man’s Land” (Vùng Cấm Địa), bao bọc chu vi căn cứ. Nhưng đến thời Tổng Thống Clinton, ông đã cho tháo gỡ và thay vào đó là những thiết bị điện tử như “Motion Detectors” và “Sound Sensors” (Máy Dò Âm Thanh và Chuyển Động), để phát giác những vật di chuyển, đặc biệt là người. Phần bên phía Cuba thì vẫn duy trì mìn bẫy.

2) Ice Curtain

Alaska trước kia là lãnh thổ của Nga Hoàng. Hoa Kỳ đã mua lại phần đất này với giá \$7,2 triệu Dollars Mỹ, trả bằng vàng dưới thời Tổng Thống thứ 17 Andrew Johnson. Lễ ký kết chuyển nhượng diễn ra vào ngày 30 tháng Ba, 1867. Đây là một vùng đất rộng lớn, với nhiều tài nguyên tiềm ẩn của Hoa Kỳ (rộng 663,268 dặm vuông) và đã trở thành Tiểu Bang thứ 49 vào ngày 5/1/1959, dưới thời Tổng Thống thứ 32 Eisenhower.

Eo biển Bering (Bering Strait) ở Thái Bình Dương ngăn cách lãnh thổ Siberia của Nga và Alaska của Hoa Kỳ ở giữa có đường phân chia Ngày và đêm (International Date Line). Tại ranh giới giữa vùng Siberia của Liên bang Xô Viết có hai đảo Diomedes, một lớn và một nhỏ. Hai đảo này nằm hai bên đường Ngày và Đêm (Ngành Khí Tượng gọi là The Terminator. Đôi khi còn gọi là Grey Line hoặc Twilight Zone).

Bên phía đảo Big Diomedede được xem như đi trước Little Diomedede 1 ngày; vì theo múi giờ (Time zone) tại khu vực. VẢ lại, hai đảo chỉ cách nhau 2.4 miles (3.8 km), nên Big Diomedede và Little Diomedede cách nhau 21 giờ (vào mùa Hè thì còn 20 giờ) chứ không phải 23 hay 24 giờ.

Vì vậy Big Diomedede còn có tên gọi là “Tomorrow Island” và Little Diomedede là “Yesterday Island” . Mặc dù khoảng cách giữa hai đảo rất ngắn, nhưng vào thời chiến tranh lạnh, cư dân của hai đảo đã bị bức tường băng giá ngăn cách không liên lạc được với nhau.

Để giảm bớt căng thẳng tại vùng biên giới giá buốt này, năm 1987 cô Lynne Cox, một nữ vận động viên bơi lội của Hoa Kỳ đã bơi qua eo biển (Bering Strait) ngăn cách giữa Cộng Sản và Tự Do. Việc làm của cô đã được Tổng Thống Reagan và Chủ tịch Gorbachev ca ngợi.

3) *Bamboo Curtain*

Bức màn tre ám chỉ đường ranh giới giữa các nước Cộng Sản phía Đông Á Châu, đặc biệt là Trung Quốc và một phần của Liên Bang Nga Sô. Khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc năm 1953, Hội nghị Bàn Môn Điếm tại vĩ tuyến 38 đã chia cắt hai miền Nam-Bắc, thì bức màn Tre càng quá rõ.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, những nước Cộng Sản Mông Cổ, Việt Nam và về sau có Lào, đã cộng tác với Trung Quốc. Trong khi đó, chế độ Pol Pot của Cambodia cũng trung thành với Bắc Kinh. Do đó, để ngăn chặn làn sóng Đỏ bành trướng xuống vùng Đông Nam Á, Hoa Kỳ và các Đồng Minh đã thành lập Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO). Việt Nam Cộng Hòa- từ vĩ tuyến 17 xuống Cà Mau- được xem như tiền đồn chống Cộng của Thế Giới Tự Do, mặc dầu không có chân trong SEATO.

4) *Bức màn Sắt*

Chữ gọi của Thủ Tướng Anh Churchill, để ám chỉ ranh giới chia cắt Âu châu thành hai khu vực riêng biệt. Khi Thế Chiến Thứ Hai kết thúc vào tháng 5/1945, Nga Xô tạo bức màn này là nhằm cô lập chính mình và các chư hầu (Satellite) không cho tiếp xúc với Tây Phương. Phía Đông của Bức màn Sắt gồm có Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Romania, Bulgaria chịu ảnh hưởng của Nga Xô.

Phía Tây là những quốc gia Đồng minh của Hoa Kỳ, hoặc theo thể chế trung lập. Bức màn không những ngăn cách về chính trị, mà còn cả quân sự và thương mại. Những quốc gia chư hầu của Liên Xô bị chi phối bởi Council for Mutual Economic Assistance (Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế) và Warsaw Pact (Hiệp Ước Warsaw) do Nga Xô lãnh đạo.

Những quốc gia đồng minh thì được sự giúp đỡ của những định chế tài chánh thế giới như Ngân Hàng Quốc Tế (World Bank), Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund) và chiếc dù che là Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Hoa Kỳ lãnh đạo.

Bức tường Bá Linh), Checkpoint Charlie của bức tường này là những biểu tượng cụ thể của Bức Màn Sắt. Bức màn này được “xé rách” do công đầu của Ba Lan, tiếp đến là Hung Gia Lợi, Đông Đức, Bulgaria, Tiệp Khắc, Romania với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ.

Falls Church, Virginia, Hoa Kỳ.

*** Chú thích đầu bài:**

CACTUS CURTAIN. ICE CURTAIN. BAMBOO
CURTAIN. IRON CURTAIN.

Kiên H ãnh

Lương Tuyển

Tiểu Đoàn 62 BĐQ/ LĐ 22 BĐQ.

TÔI LÍNH BIỆT ĐỘNG QUÂN

Mũ nâu, áo hoa rừng
Giày “saut” trăm vạn nẻo
Tìm, diệt lũ tàn hung

*Bỏ thành, đến rừng sâu
Đêm nghe đạn pháo... sầm!!!*

*Mong giữ yên Quê Mẹ
Thanh bình đến ngàn sau*



Đời... Ai có hiểu nhau
Thân trai chôn giang đầu
Lời tình trên môi mép...
“Tôi có thấy gì đâu???”

*Này bạn, tớ chẳng ham
Điện quý, cung son vàng
Rừng già, yên giấc mộng
Cuối ngày bước gian nan*



Gục đầu,,, Lệ tuôn rơi
“AI BỎ SÚNG TA RỒI???”
Cho toàn dân sâu khổ,
Đọa đày,,, Tháng năm trôi!!!
CỜ VÀNG MÃI TRONG TÔI
Tạ Tiên Tổ, Đất Trời
TÔI CHIẾN BINH BIỆT ĐỘNG
QUÂN HÀNH VẪN CHƯA THÔI.

Đệ Huynh bốn phương trời
Quốc Kỳ mãi vàng tươi
Quyết tâm ta dành lại
VIỆT NAM SÁNG MUÔN ĐỜI.

Cọp Núi Pleiku

QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA

Đỗ Thái Nhiên

Lúc bấy giờ là tháng Giêng, 1985, người Việt Nam tại quốc nội, nhất là dân chúng cư ngụ vùng Sài Gòn, Gia Định, vẫn nô nức nhưng kín đáo tìm đường vượt biên. Trong trường hợp âm mưu vượt biên thất bại, người vượt biên sẽ bị Cộng Sản Việt Nam hành hạ dưới tội danh “phản quốc”. Vì thế, công việc chuẩn bị vượt biên cần phải được bảo mật tuyệt đối. Chính vì hai chữ “bảo mật”, nhiều người đã ra khơi một cách hoàn toàn bất ngờ, không một lời giã biệt bằng hữu.



Nhà Văn Đỗ Thái Nhiên

Riêng tôi, tôi nhất định vượt biên, nhất định bảo mật, nhất định ân cần thăm viếng và từ biệt bạn bè cũ. Nhằm đáp ứng các “nhất định” vừa nêu, một ngày trước khi rời xa quê

hương, tôi quyết định tìm gặp những người bạn đặc biệt của tôi. Những người bạn đó hoàn toàn kín tiếng. Những người bạn đó không còn bận tâm chọn lựa đời sống ở bên này, hay bên kia bờ đại dương. Những người bạn đó đã đi trọn đường trần bằng tất cả gian khổ với một ước mơ bất thành: Ước mơ Việt Nam thống nhất, dân chủ và thịnh vượng. Những người bạn đó chính là các bạn đồng ngũ thương mến của tôi đang an nghỉ tại nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa.

Chiều hôm ấy, khoảng ba giờ, một mình tôi thẩn thờ bước vào nghĩa trang Biên Hòa. Bức tượng Thương Tiếc nằm ở ngay cổng đã bị mang đi nơi khác tự bao giờ. Con đường từ xa lộ chạy vào tới đài kỷ niệm Chiến Sĩ Trận Vong vẫn còn đó, vẫn dài, vẫn thẳng, nhưng hai hàng phượng đứng bên đường trông thật tiêu tụy và ủ dột. Có thể vì phượng thiếu nước, thiếu gio. Có thể vì phượng muốn biểu tỏ tấm lòng trắc ẩn của cỏ cây dành cho hàng ngàn anh linh chiến sĩ đã vì quốc vong thân nhưng nay phải ngậm đắng nuốt cay nơi suối vàng trước cảnh “quốc” đang bị đè bẹp dưới ách độc tài Cộng Sản.

Vào tới khu dành cho mộ phần của chiến sĩ, khách viếng mộ tận mắt chứng kiến toàn thể nghĩa trang đều bị đập phá tàn nhẫn. Đây là một ngôi mộ bị đào bới để lộ cả quan tài mở nắp, di cốt tử sĩ đã biến mất. Kia là một ngôi mộ nằm ở triền đồi, bia đá vẫn còn nguyên nhưng di ảnh của người quá cố có dấu vết vài phát đạn vào mắt, vào miệng. Kế đó là nơi an nghỉ của một sĩ quan cấp tá, trên bia đá, người nào đó lấy sơn đen viết một câu giễu cợt, rất phản văn hóa. Cứ như vậy, khách viếng nghĩa trang lần lượt ghi nhận vô số hình ảnh não nề của một nghĩa trang bị nhận xuống tận cùng của hố ô nhục.

Mặc cho ô nhục chồng chất, toàn bộ mộ phần của nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa vẫn lặng lẽ hướng về đài chiến sĩ

trận vong. Đài này nằm trên đỉnh một ngọn đồi tọa lạc tại trung tâm nghĩa trang. Kiến trúc trọng yếu của đài chiến sĩ trận vong là một tháp xi-măng xám, cao vời vợi. Tháp này gợi nhớ hình ảnh cây bảo kiếm của người chiến sĩ vô danh năm xưa đã để lại nơi dương thế trước khi đi vào cõi vĩnh hằng. Từ cõi vĩnh hằng xa xăm kia, người ta vẫn nghe vang vọng một câu hỏi, nửa như kinh ngạc, nửa như phẫn hận: Tại sao nghĩa trang của những anh hùng vị quốc vong thân lại có thể bị lãng nhuch???

Bây giờ nhiều năm đã trôi qua. Bây giờ những xót xa về cảnh tượng hoang phế và cô tịch của nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa đã lắng đọng... Bây giờ những uẩn ức về lệnh buông súng tức tưởi đã trôi xa vào quá khứ. Bây giờ thời gian là năm 2002, một chiều tĩnh lặng cuối Thu. Không gian là công viên tượng đài chiến sĩ Việt Mỹ thuộc Thị Xã Westminster, California. Tôi ngồi tựa lưng vào chân tượng đài, trầm ngâm suy nghĩ về Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Phương pháp đánh giá một quân đội.

Trước tiên, tôi nghĩ tới những luận cứ chê trách QĐVNCH. Có người nêu rõ danh tánh vài ba ông tướng buôn lậu để đơn giản cho rằng QĐVNCH là quân đội buôn lậu. Người khác đã viện dẫn trường hợp đào ngũ, nghiện ngập của năm bảy quân phạm trong quân lao Gò Vấp để vội vàng kết luận rằng QĐVNCH là quân đội vô kỷ luật. Người khác nữa đã kể lại câu chuyện một quân nhân đầu hàng địch quân trên trận địa để nhanh chóng nhận định QĐVNCH là quân đội hèn nhát... Tất cả các đánh giá vừa kể hiển nhiên là kiểu đánh giá xuất phát từ những người rất giàu ác ý nhưng vô cùng nghèo nàn hiểu biết về phương pháp đánh giá.

Làm thế nào để chúng ta có thể đánh giá một tập thể trên căn bản chừng mực và nghiêm chỉnh? Đi tìm giải đáp cho câu hỏi vừa kể, có lẽ chúng ta nên suy nghĩ về một phương

pháp đánh giá trong khoa kinh tế học. Mỗi khi tổng sản lượng quốc gia gia tăng, chưa hẳn người dân được sống trong thịnh vượng. Những năm gần đây, tổng sản lượng quốc gia Việt Nam được ghi nhận là gia tăng nhưng tuyệt đa số quần chúng Việt Nam vẫn bị giam cầm trong cuộc sống cùng khổ. Lợi nhuận của sinh hoạt kinh tế phải là lợi nhuận chung của toàn bộ xã hội. Lợi nhuận kia phải được phân bổ hợp lý cho toàn dân. Thế nhưng CSVN đã cưỡng chiếm lợi nhuận kinh tế cho đảng CS và cho cá nhân đảng viên, nhất là đảng viên thuộc giai cấp tư bản đồ. Đó là lý do giải thích tại sao tổng sản lượng quốc gia VN gia tăng nhưng hai chữ “thịnh vượng” vẫn là người khách cực kỳ xa lạ đối với quần chúng nghèo túng. Vì vậy, muốn so sánh mức độ thịnh vượng giữa hai hay nhiều nền kinh tế, các chuyên viên kinh tế phải đồng ý với nhau về một người tiêu thụ mẫu mực gọi là “kinh tế nhân”.

Kinh tế nhân là người tiêu thụ một số lượng nhất định về các sản phẩm kinh tế căn bản như vải vóc, lương thực v...v... trong một thời lượng đã được quy ước trước. Thế rồi từ ý niệm kinh tế nhân, chúng ta có thể xác định mức độ thịnh vượng của một nền kinh tế bằng cách cân đo xem nền kinh tế đó đã thực sự nuôi dưỡng được bao nhiêu kinh tế nhân trên tổng dân số. Kết quả của việc cân đo này giúp chúng ta dễ dàng thiết lập bảng xếp hạng kinh tế thịnh vượng giữa các quốc gia. Đánh giá một nền kinh tế, chúng ta cần “kinh tế nhân” làm thước đo. Đánh giá một quân đội, chúng ta cũng cần một thước đo tương tự.

Thước đo đó chính là một người lính bình thường. Người lính đó không phải là một ông tướng lúc nào cũng sẵn sàng “bỏ quân chạy lấy người”. Người lính đó không phải là anh binh nhì, suốt ngày ngồi ở vọng gác thì thầm ca bài “Kỷ Vật Cho Em”. Người lính đó mang trong người đầy đủ “tính

lính” mà hầu hết binh lính trong QĐVNCH đều có. Người lính đó là “người lính tiêu biểu”. Bây giờ chúng ta hãy khảo sát phẩm cách người lính tiêu biểu, mà bài viết này chỉ gọi tắt là người lính. Quá trình thụ giáo của người lính. Muốn xác định phẩm chất của một quân đội, chúng ta không thể không tìm hiểu cội nguồn giáo dục đã đào tạo ra hàng ngũ quân nhân cho quân đội đó.

Chế độ CSVN là chế độ độc tài, tham ô và bóc lột. Vì vậy chế độ này cần rất nhiều tay sai để bảo vệ giới thống trị. Cũng vì vậy giáo dục của CSVN là giáo dục đào tạo tay sai. Chủ nghĩa Marx Lenine và luận cứ ca tụng đảng, suy tôn Hồ Chí Minh, là các công cụ trọng yếu của guồng máy giáo dục CS.

Ngược lại, VNCH có một nền giáo dục “rất Người”. Trên toàn lãnh thổ VNCH, các môn học như: Công dân giáo dục, sử học, văn chương, triết học v...v... không hề có chỗ đứng dành cho tư tưởng độc tôn lãnh tụ hay độc tôn chế độ. Đó là nội dung cốt lõi của chương trình giáo dục nhân bản mà người lính của QĐVNCH đã được hấp thụ trong toàn bộ học trình của tiểu, trung và đại học. Đó là một sự thực mà không một người nào đã từng sinh ra và lớn lên trong xã hội VNCH có thể phủ nhận được. Một sự thực mà guồng máy thông tin tuyên truyền của CSVN không thể xuyên tạc hoặc bóp méo.

Ngay sau khi “xếp bút nghiên theo việc đao cung”, người lính lại bước vào trường học mới: Ngành tâm lý chiến của QĐVNCH. Tại đây người lính không hề bị nhồi sọ để trở thành tay sai cho lãnh tụ hay chế độ chính trị nào. Người lính của QĐVNCH chỉ được trang bị một loại vũ khí tinh thần duy nhất là lòng yêu nước và tinh thần tôn trọng kỷ luật quân đội. Song song với giáo dục học đường dân sự và giáo dục tâm lý chiến của quân đội, người lính còn được hấp thụ một nền giáo dục nhân bản của toàn bộ xã hội. Người ta có thể

không đồng ý với các chế độ chính trị tại VNCH về một số sự việc nào đó nhưng không thể chối cãi rằng VNCH là một chế độ tôn trọng quyền tự do tư tưởng.

Quyền tự do này được thể hiện đậm nét trên hai lãnh vực: Nghệ thuật trình diễn và nghệ thuật văn học. Điều này giải thích lý do tại sao sau nhiều năm bị CSVN tìm đủ mọi phương cách để tiêu diệt, những tác phẩm văn học nghệ thuật xuất phát từ xã hội VNCH vẫn được lưu truyền càng ngày càng mạnh mẽ trong dân gian ở cả hai miền Nam và Bắc. Nhìn chung lại, giáo dục học đường, giáo dục tâm lý chiến cùng với giáo dục xã hội là ba nguồn giáo dục nhân bản mà người lính VNCH đã được tôi luyện từ thời niên thiếu cho đến hết cuộc đời binh nghiệp.

Trong thực tiễn đời sống, ba nguồn giáo dục căn bản kia đã hướng dẫn người lính VNCH sống và chiến đấu đúng với hướng phát triển tình cảm trong sáng của một Con Người. Hướng phát triển đó được triết học cụ thể hóa bằng biểu đồ hình tròn ốc. Vạn vật vận động theo hình tròn ốc. Hình tròn ốc triết học có đỉnh đặt trên mặt đất, đáy hướng lên trời. Hình tròn ốc là hình vẽ diễn ý rằng mỗi vận động trong vạn vật đều xuất phát từ một điểm để sau đó phát triển rộng ra, cao lên, cả về lượng lẫn phẩm. Khảo sát diễn tiến phát triển tình cảm của một cá nhân, chúng ta thấy rằng ngay sau khi được cha mẹ cho chào đời, đứa bé quyến luyến cha mẹ. Đó là tình con cái đối với cha mẹ (đỉnh của hình tròn ốc). Thế rồi theo đà khôn lớn, đứa bé tìm tới tình anh chị em ruột thịt, rồi tình họ hàng gần xa, rồi tình làng xã, tình quốc gia dân tộc, tình nhân loại. Tình cảm của con người sau khi rời đỉnh hình tròn ốc đã men theo các vòng xoáy hình tròn ốc để từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phong phú cả về phẩm lẫn lượng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, quá trình giáo dục của người lính VNCH hoàn toàn phù hợp với nhận định của triết học về

vận động của vạn vật. Sự phù hợp vừa nói khẳng định mạnh mẽ rằng môi trường sống cùng với môi trường giáo dục tại miền Nam Việt Nam trước 1975 đã tạo điều kiện cho người lính VNCH trở thành những người thực sự yêu quê hương đất nước theo đúng quy luật sinh hoạt tình cảm tự nhiên của Con Người, với bản chất của người lính VNCH. Do yêu quê hương đất nước, người lính VNCH đã nhận thức được rằng cuộc chiến đấu chống quân đội CSVN trước 1975 là cuộc chiến đấu cho tự do dân chủ, cho chính nghĩa. Sau 1975, nhà khoa học Nguyễn Thanh Giang đã kêu gọi mọi người Việt Nam (Bắc cũng như Nam) hãy tri ân chiến sĩ VNCH trong trận hải chiến chống Trung Cộng ở Hoàng Sa.

Mới đây nhà văn Dương Thu Hương, một “chiến sĩ chống Mỹ cứu nước” trước kia đã giác ngộ chính nghĩa bằng cách viết bài “Tiếng Võ Cánh Cửa Bầy Quạ Đen”. Qua bài viết này, Dương Thu Hương tố cáo cuộc chiến tranh tại Việt Nam trước 1975 do CSVN phát động là một tội ác phỉng gạt vĩ đại. CSVN phỉng gạt đồng bào miền Bắc bằng cách nhân danh tự do và cơm áo, đẩy đồng bào lao thân vào cuộc chiến tàn khốc tại miền Nam Việt Nam. Để rồi sau 30/4/1975, CSVN đã để lộ nguyên hình là một đảng Mafia tham ô và bóc lột. Nói ngắn và gọn, nhà văn Dương Thu Hương đã xác nhận điều được gọi là chiến tranh “Giải Phóng Miền Nam” do CSVN phát động chẳng qua chỉ là một hành động phi nghĩa.

Các sự thể kể trên đã mạnh mẽ làm nổi bật tính chất chính nghĩa trong cuộc chiến đấu bảo vệ tự do cho miền Nam VN của người lính VNCH. Do yêu quê hương đất nước, người lính VNCH chấp nhận phục vụ quê hương với những điều kiện sinh hoạt rất thanh bạch. Nghèo khổ không than trách. Nguy hiểm không sờn lòng. Người lính VNCH bao giờ cũng tận tình với nghĩa vụ bảo quốc, an dân. Người lính tuyệt vời kia đã được đền thưởng những gì? Phần đền thưởng đó lại

chính là những tuần tiết anh dũng ngay trong ngày tháng Tư 75 và các ngày kế tiếp, những năm tháng kéo dài cuộc sống cực kỳ cùng khổ với thân phận thương phế binh của một quân đội bị bàn cờ quốc tế cường bách đầu hàng, những thập niên bị tù không tội, bị khổ sai không án trong những trại tù (Cộng Sản gian ác và tàn nhẫn gọi là “trại học tập cải tạo”).



Một đơn vị BVN đang chuẩn bị trực thăng vận vào mục tiêu.

Do yêu quê hương đất nước, người lính VNCH bao giờ cũng chuyên cần đổ mồ hôi trên thao trường của các quân trường, bao giờ cũng thiện chiến và anh dũng đoạt chiến thắng lừng danh trên mọi trận địa. Các chiến thắng Bình Long, An Lộc, tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, mùa Hè Đỏ Lửa 1972, phản ứng nhanh và chính xác trong biến cố Tết Mậu Thân v...v... là những thí dụ điển hình tạo nên “Quân Sư Vàng” của QĐVNCH.

- Do yêu thương quê hương đất nước, người lính VNCH bao giờ cũng nêu cao gương trách nhiệm trong mỗi hành động chiến đấu. Hải Quân Thiếu Tá Nguyễn Văn Thà anh dũng trầm mình theo chiến hạm do ông chỉ huy trong trận hải

chiến với Trung Cộng tại quần đảo Hoàng Sa. Các Tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Hai, Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn và vô số anh hùng quân đội vô danh khác đã ngao nghể chọn cái chết thay vì đầu hàng địch quân vào ngày 30/4/1975.

- Do yêu thương quê hương đất nước, người lính VNCH bao giờ cũng tôn trọng quân kỷ. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là người lính chỉ biết tuân hành mọi loại mệnh lệnh một cách mù quáng. Trong rất nhiều trường hợp, nghĩa vụ ân cần chăm sóc thương bệnh binh phải được xem trọng hơn nghĩa vụ tự giam bó trong quân kỷ. Đó là ý nghĩa của Kinh và Quyền ở trong tinh thần quân kỷ của người lính VNCH. Đó là ý nghĩa của kỷ luật tự giác mà người lính VNCH muốn đề cao. Đó còn là lý do giải thích tại sao trong QĐVNCH lại có những hành động phản kháng kiểu Bác Sĩ Quân Y Hà Thúc Nhơn, Bác Sĩ Quân Y Phạm văn Lương.

Hệ lụy của một quân đội bị bức tử.

Phẩm chất người lính tiêu biểu của QĐVNCH như đã trình bày ở trên chính là phẩm chất của toàn thể QĐVNCH. QĐVNCH sinh ra, lớn lên và hùng mạnh trong môi trường nhân bản. QĐVNCH không hề là, không thể là quân đội tay sai của ngoại bang hay bất kỳ chế độ chính trị nào. QĐVNCH là hình ảnh sinh động của lương tri và ái quốc. QĐVNCH thiện chiến và chiến đấu dũng cảm. Thế nhưng, hành động phản bội của người bạn đồng minh Hoa Kỳ đã mặc nhiên trói tay QĐVNCH. Khai thác hoàn cảnh “bị trói tay” đó, CSVN vội vàng tạo tội ác 30/4/75. Nói rõ ràng hơn, Hoa Kỳ phản bội cộng với bản chất gian ác của CSVN là hai lý do chủ yếu dẫn đến “cái chết” của QĐVNCH. Thông thường chết có nghĩa là từ giã mọi hệ lụy. Thế nhưng, ngay sau ngày bị “bức tử”, QĐVNCH đã để lại cho dương gian ba hệ lụy căn bản như sau:

* **Hệ lụy một:** Hơn ai hết, VC nhận biết rất rõ bản chất nhân bản và ái quốc của QĐVNCH. Vẫn hơn ai hết VC tự nhận biết bản chất Mafia của CSVN. Nhà văn Dương Thu Hương gọi Mafia VC là “Bầy Quạ Đen”. Lo sợ lòng yêu nước và tính dũng cảm của QĐVNCH được dư luận truyền tụng rộng rãi và lâu dài. Sự thể này sẽ làm gia tăng vượt bậc lòng căm phẫn của nhân dân VN đối với “Bầy Quạ Đen”. Vì vậy trong các thập niên qua, CSVN không ngừng nỗ lực phá hoại uy danh của QĐVNCH. Ngày 24/9/2002 trên báo The Orange County Register, qua bài viết “Victory most can celebrate” của ký giả Gordon Dillow, đã nhắc lại các sự việc:

- CSVN phá hủy có phương pháp nghĩa trang QĐVNCH.
- CSVN đẩy hàng ngàn cựu chiến binh tàn phế của QĐVNCH vào cảnh sống hành khất.
- CSVN kiên trì và nỗ lực phá hoại công cuộc xây dựng tượng đài chiến sĩ Việt Mỹ tại Westminster, California.

Ba sự việc nêu trên đi kèm với khối sách báo của VC viết về QĐVNCH là những bằng chứng mạnh mẽ cho thấy ác ý hủy diệt uy danh QĐVNCH của VC.

* **Hệ lụy hai:** Sau chiến tranh Việt Nam, dư luận không hề cho rằng Hoa Kỳ đã thua kém VC trên địa bàn quân sự. Tuy nhiên “Hoa Kỳ phản bội QĐVNCH” là một sự thực không thể chối cãi. Nhằm xóa bỏ mặc cảm phản bội, giới truyền thông Hoa Kỳ đã cố gắng làm cho thế giới hiểu rằng chiến tranh VN là chiến tranh giữa Hoa Kỳ và VC. Đó là lý do giải thích tại sao sách báo và nhất là điện ảnh Hoa Kỳ triệt để tránh né đề cập tới vai trò của QĐVNCH trên chiến trường VN. Sự thể “tránh né” vừa nói đã làm cho dư luận hiểu lệch đi rằng QĐVNCH chỉ là cái bóng mờ bên cạnh binh sĩ Hoa Kỳ và rằng QĐVNCH rất ngại chiến đấu. Để bác khước kiểu “hiểu lệch” kia, chúng ta hãy mang con số 400.000 tử sĩ VNCH đặt bên cạnh con số 60.000 binh sĩ Hoa

Kỳ tử vong trong chiến tranh VN (<http://encyclopedia.com/section/vietnam.w.end.of.the.war>). Sự sai biệt lớn lao giữa hai con số là một bằng chứng bằng máu về lòng ái quốc và dũng cảm của QĐVNCH. _

*** Hệ lụy ba:** Đương đầu với hệ lụy (1) và (2), QĐVNCH hoàn toàn im lặng trong cõi bức tử. Tình trạng im lặng kia là cơ hội làm cho một số người, nhất là những người ra đời sau 1975 hiểu lầm tai hại về thanh danh của QĐVNCH. Đó là hệ lụy thứ ba mà QĐVNCH đang gánh chịu.

Giải trừ oan khiên: Những điều trình bày ở trên đã minh chứng cả ba hệ lụy là ba oan khiên. Làm thế nào để giải trừ oan khiên?

- **Giải trừ một:** Quý vị cựu quân nhân của QĐVNCH hãy hãnh diện về tư cách cựu quân nhân của mỗi quý vị. Quý vị gia đình cựu quân nhân và tất cả những người xuất thân từ xã hội VNCH hãy ghi khắc trong tim óc của mỗi quý vị rằng chúng ta đã có nhiều thập niên sống trong sự che chở ân cần của QĐVNCH. Một quân đội đã bảo vệ người dân bằng chính sinh mệnh của người lính.

- **Giải trừ hai:** Người Việt Nam lớn lên trong chiến tranh hãy giải thích cho người VN ra đời sau 1975, nhất là những người VN sinh trưởng tại quốc ngoại để họ hiểu biết tường tận về lương tri và lòng ái quốc của QĐVNCH trên những liên hệ thân thiết giữa người dân và QĐVNCH. Hành động giải thích này hoàn toàn không mang ý nghĩa của một cảm tính. Nó là sự truyền đạt từ thế hệ này qua thế hệ khác những hiểu biết về vận động quan trọng của lịch sử. Nó ẩn chứa trong nó ước mơ rằng trong tương lai, quốc gia Việt Nam sẽ có một quân đội thực sự vì nhân dân. Các loại quân đội tay sai của “Bác”, của Đảng, của bất kỳ phe phái chính trị nào phải triệt để bị loại bỏ. Ước mơ vừa nêu tuy gián tiếp nhưng mạnh mẽ vinh danh QĐVNCH.

- **Giải trừ ba:** Đất nước là tài sản chung của toàn dân. Người dân phải thực sự là chủ nhân ông tối cao và duy nhất của đất nước. Đó là chân ý nghĩa của công bằng và lẽ phải. Đó là quy luật sống tự nhiên của mỗi dân tộc và của toàn nhân loại. Quy luật sống tự nhiên kia đòi hỏi những hoạt động kiểu giáo dục, luật pháp, kinh tế, nhất là quân sự phải là sinh hoạt nhân bản và công bằng của xã hội.

Bài viết này chỉ xin nhấn mạnh đến guồng máy quân đội. Quân đội dân chủ bao giờ cũng vận động theo chuẩn mực bởi dân, của dân, và vì dân. Nhà cầm quyền dân chủ không bao giờ nuôi tham vọng biến quân đội trở thành công cụ bảo vệ ngôi vị cầm quyền. Qua quá trình giáo dục, qua quân sự và nhất là qua thực tiễn chiến đấu và phục vụ, QĐVNCH đích thực là một quân đội của xã hội dân chủ. QĐVNCH và dân chủ như hình với bóng. Chế độ dân chủ bị chà đạp, QĐVNCH bị lăng nhục. Vì vậy mọi người Việt Nam trong cũng như ngoài nước hãy nỗ lực mang lại dân chủ cho Việt Nam. Ngày chế độ dân chủ được tái lập tại Việt Nam chính là ngày danh dự của QĐVNCH được phục hồi.

Như vậy là ba phương pháp giải trừ đi kèm với ba hệ lụy. Mỗi giải trừ tượng trưng bởi một nén nhang. Nén nhang thứ nhất là lời tri ân của TỔ QUỐC. Nén nhang thứ hai là lời vinh danh tinh thần TRÁCH NHIỆM của QĐVNCH. Nén nhang thứ ba là lời nguyện quyết tâm phục hồi DANH DỰ cho QĐVNCH, một quân đội thực sự yêu nước, thiện chiến, và dũng cảm.

Người viết bài này kính cẩn đặt ba nén nhang kia dưới chân TƯỢNG ĐÀI CHIẾN SĨ VIET MỸ, tại Westminster, California. Hành động này mang hàm ý chúc mừng ngày khánh thành tượng đài. Hành động này còn là sự biểu tỏ lòng tuyệt đối tôn kính và thương yêu đối với QĐVNCH./.